

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

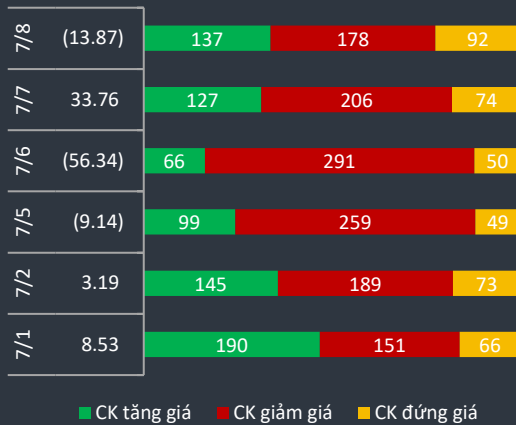
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	161.36	
HPG	115.71	
MBB	105.73	
GEX	100.78	
MSN	66.55	
STB	42.75	
GAS	42.21	
KDH	36.91	
BVH	(19.22)	□
HCM	(19.84)	□
VCB	(37.89)	□
SSI	(40.61)	□
VRE	(47.78)	□
E1VFN30	(65.07)	□
CTG	(95.12)	□
NVL	(529.99)	□

Thị trường trụ khá vững vào phiên sáng với mức hồi lui Vnindex chỉ khoảng 5-6 điểm. Tâm lý không quá tiêu cực và cũng không có nhiều lệnh lớn bán ra. Có lẽ nhà đầu tư đã vững vàng tâm lý hơn sau cú sập hai ngày trước. Thậm chí mở đầu phiên lực cầu còn gia tăng ở một số nhóm cổ phiếu chứng khoán và ngân hàng. Nhìn chung, tâm lý của nhà đầu tư trong ngày hôm nay là khá thận trọng vì vậy dòng tiền xoay vòng không mạnh dẫn đến giá trị giao dịch chung thấp hơn hẳn các phiên trước.

Kết thúc giao dịch chỉ có khoảng hơn 18 ngàn tỷ khớp lệnh tại sàn HOSE – giảm hơn 30% so với trung bình hàng ngày. Phiên chiều áp lực bán có phần gia tăng dẫn đến nhiều cổ phiếu đảo chiều mất điểm. Chỉ số Vnindex đóng cửa mất gần 14 điểm về 1,374. Toàn sàn số mã giảm chiếm áp đảo với 204 CP giảm so với 148 CP tăng giá. Nhóm VN30 chỉ có MWG tăng ấn tượng nhất 4%. MSN, GAS, BVH xanh nhẹ. Còn lại 21 CP còn lại mất điểm đặc biệt là NVL giảm -6.1%.

Nhóm cổ phiếu vẫn giữ đà tăng tốt và mạnh nhất trong ngày là nhóm bán lẻ bao gồm MWG, DGW, MSN. Những cổ phiếu này đều có mức hồi phục trên 10% và vượt đỉnh bất chấp phiên điều chỉnh thứ 3 vừa qua.

Một số cổ phiếu cũng đi ngược Index tăng mạnh đáng chú ý trong ngày như PAC, DXG, CTD, DIG, PET, BMI, HDG, NLG. Nhóm cổ phiếu tài chính với cổ phiếu chứng khoán đều giảm khá mạnh trong ngày. Những mã chứng khoán lớn HCM, SSI, VND, VCI từ 1% - 3%. Chỉ có vài mã xanh nhẹ như MBS, AAS, VDS.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng trong ngày chỉ có 5 CP tăng giá là VIB, PGB, BID, TPB, NVB. Giảm mạnh nhất là SHB, BVB, EIB, STB từ 2% - 4%. Khối ngoại mua ròng nhiều MBB, STB, HDB trong khi bán ròng CTG, OCB, VPB. Tính chung toàn thị trường khối ngoại trong ngày mua vào 1,693 tỷ đồng và bán ra 1,913 tỷ, bán ròng nhẹ khoảng 300 tỷ trong đó chủ yếu đến từ NVL, CTG, VRE. Phía mua ròng nhiều có HPG, GEX, MBB, VHM, STB...

Vnindex 1,374.68

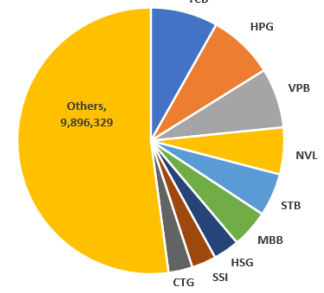
▼ -13.87 (-1%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MWG	172.5	6,700	4.04
MSN	119.8	3,800	3.28
VIB	51.4	1,600	3.21
GAS	93.0	1,500	1.64
HVN	26.3	250	0.96
BVH	54.9	400	0.73
TPB	37.8	250	0.67
BID	45.8	300	0.66
MBB	42.1	-	-
TCB	56.6	-	-
BCM	53.7	-	-
SAB	162.5	-	-
SSI	54.4	(100)	(0.18)
POW	11.4	(50)	(0.44)
DHG	93.9	(600)	(0.63)
FPT	89.8	(700)	(0.77)
PNJ	105.6	(900)	(0.85)
ACB	36.2	(350)	(0.96)
CTG	38.6	(450)	(1.15)
VJC	120.3	(1,500)	(1.23)
HDB	36.0	(550)	(1.51)
VNM	88.4	(1,400)	(1.56)
PDR	94.7	(1,500)	(1.56)
REE	53.0	(900)	(1.67)
PLX	52.3	(900)	(1.69)
VHM	115.0	(2,000)	(1.71)
HPG	49.0	(900)	(1.80)
VPB	69.3	(1,400)	(1.98)
GVR	34.0	(700)	(2.02)
VCB	111.0	(2,400)	(2.12)
VIC	111.0	(3,000)	(2.63)
STB	30.2	(850)	(2.74)
VRE	29.9	(1,000)	(3.24)
NVL	110.8	(7,200)	(6.10)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex tiếp tục dao động với biên độ khá lớn trong ngày và điều chỉnh thêm 15 điểm. Xu hướng ngắn hạn thị trường vẫn đang điều chỉnh và tìm dò đáy. Có thể cần vài phiên để xác định xu hướng, khi đó dòng tiền đầu cơ mới quay trở lại nhiều hơn. Thị trường có thể giao dịch ổn định trở lại và nhận lực cầu nhiều hơn sau vài phiên tích lũy quanh 1350-1380.

Đang chuẩn bị vào mùa báo cáo sớm kết quả kinh doanh Q2 vì vậy sẽ có sự phân hóa cổ phiếu lớn dựa trên thông tin công bố các doanh nghiệp. Nhà đầu tư vẫn ưu tiên giữ danh mục ở vị thế an toàn, hạn chế margin và chỉ mua tích lũy ở những nhịp điều chỉnh mạnh. Nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ hiện tại: DGW, MWG, CTG, STB, TCB, OCB, MBB, HCM, VCI.

## Danh mục đầu tư

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	34.4	(5.5)	17	23	Mục tiêu 37. Chuẩn bị chốt lãi	3/3/2021	81.1%
VCI	54.3	(0.2)	50	65	Mua quanh 52-54. Mục tiêu 65	6/29/2021	4.4%
HCM	50.6	(6.3)	45	65	Mua quanh 52-54. Mục tiêu 65	6/29/2021	-2.7%
VND	43.6	(6.0)	42	60	Mua quanh 43-45. Mục tiêu 60	6/29/2021	1.4%
SSI	54.4	(5.4)	50	70	Mua quanh 54-56. Mục tiêu 70	6/30/2021	-1.1%
CTG	38.6	(4.9)	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 60	2/3/2021	10.6%
OCB	30.2		18	30	Mục tiêu 35. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	43.8%
HPG	49.0	(7.2)	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	16.7%
MWG	172.5	14.2	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	35.3%
STB	30.2	(2.6)	15	22	Mục tiêu 34. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	67.8%
SZC	36.0	(6.6)	32	44	Mục tiêu 40. Chuẩn bị chốt lời	5/4/2021	7.5%
PET	22.7	2.0	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	15.2%
PNJ	96.0	5.4	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	42.1	(3.1)	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	73.3%
FPT	89.8	1.0	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	28.3%
VPB	69.3	(1.6)	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	95.2%
HSG	37.1	(12.9)	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	55.2%
DGW	130.0	10.6	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

CTI	3.10
DIG	3.11
CTD	3.11
MSN	3.28
TLD	3.36
LCM	3.45
TCO	3.57
DLG	3.62
MWG	4.04
TRA	4.20
DXG	4.79
VPG	4.84
DGW	6.69
JVC	6.73
TGG	6.84
ITD	6.85
CIG	6.96
QBS	7.14
KSH	8.00
PXT	8.33

## Top tăng giá HNX

GLT	5.22
HHG	5.56
VKC	5.88
KSQ	6.25
TTH	6.90
KKC	7.38
ACM	7.41
TC6	7.58
KHB	8.33
THT	8.89
TVD	9.09
HDA	9.30
BII	9.41
ITQ	9.52
S74	14.49

**GAS** - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP – 6 tháng đầu năm tổng doanh thu ước đạt 37.487,3 tỷ đồng, bằng 112% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 5.401,1 tỷ đồng, bằng 103% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 4.302,4 tỷ đồng, bằng 103% so với cùng kỳ năm 2020.

**TS4** - CTCP Thủy sản số 4 - Ngày 06/7, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu vào diện kiểm soát kể từ ngày 13/7/2021. Nguyên nhân do, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ của TS4 năm 2019 và 2020 là âm hơn 144 tỷ đồng và âm 9,36 tỷ đồng, LNST chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 là âm hơn 147 tỷ đồng.

**CTD** - Đã thông qua phương án chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng với giá trị 500 tỷ đồng. Doanh nghiệp cam kết triển khai đăng ký trái phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết trên một Sở Giao dịch Chứng khoán được Việt Nam công nhận.

**DBC** - CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam – Đã thông qua việc chuyển nhượng 100% phần vốn góp, tương đương 100%/vốn điều lệ tại Công ty TNHH Quốc tế Vinasaco.

**GMC** - CTCP Garmex Sài Gòn – Đã thông qua phương án phát hành gần 3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

**DPR** - CTCP Cao su Đồng Phú - Thông báo, đã hoàn tất việc bán toàn bộ hơn 2,87 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 01/6 đến 30/6 theo phương thức khớp lệnh, với giá bán bình quân 59.717 đồng/cổ phiếu.

**SVC** - CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn - Ngày 6/7, HĐQT đã thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 20/7/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 04/8/2021.

**APG** - CTCP Chứng khoán APG – Đã thông qua phương án phát hành 20.000 trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, chào bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp, giá phát hành bằng mệnh giá là 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất không vượt quá 11,55%/năm. Thời gian phát hành dự kiến làm 02 đợt trong tháng 7, tháng 8/2021.

**TIG** - CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long - Ngày 08/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng là 09/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới).

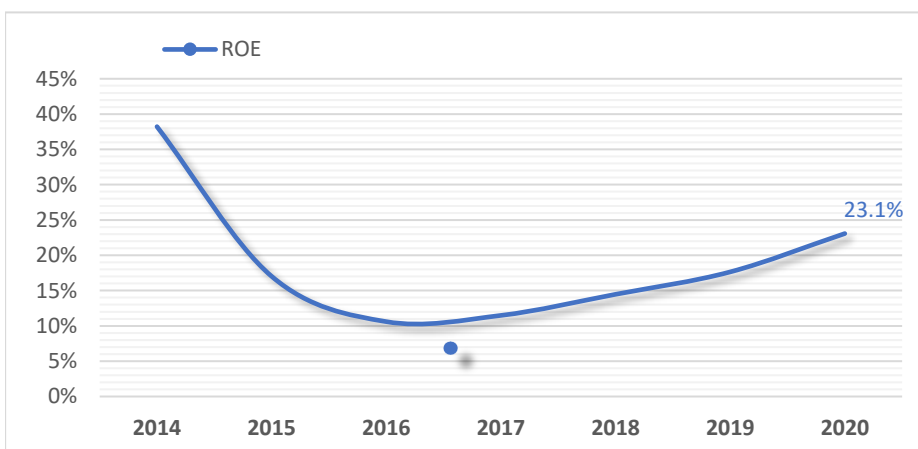
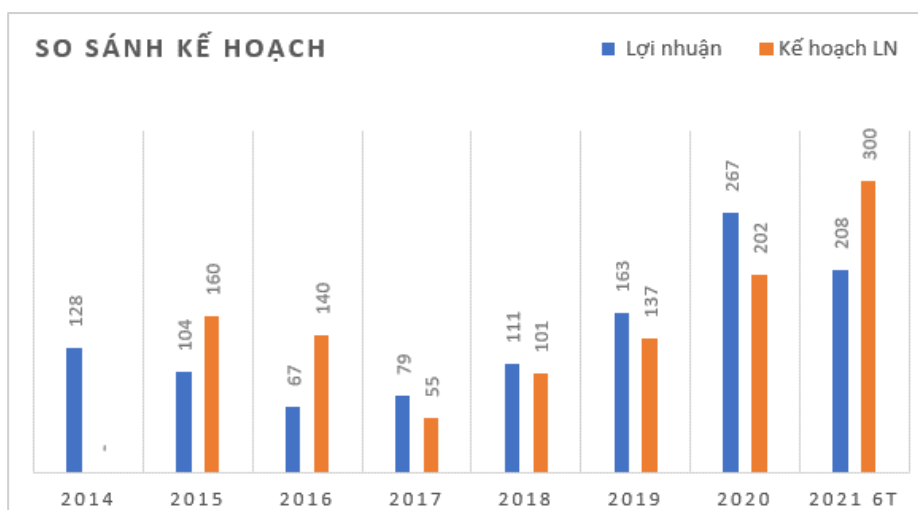
**DGW** vừa công bố ước kết quả kinh doanh quý 2/2021. Mặc dù dịch bệnh và mùa kinh doanh thấp điểm nhưng doanh thu quý 2 của DWG đạt 4.166 tỷ, lợi nhuận đạt 101 tỷ, tăng trưởng lần lượt 61% và 110% so với cùng kỳ.

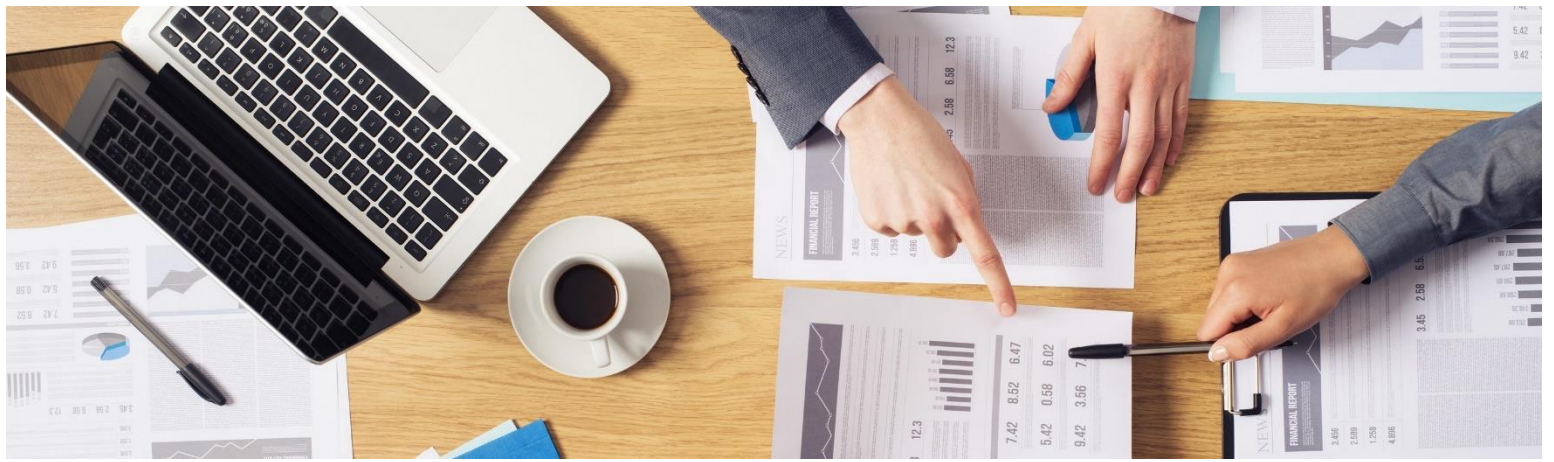
Ngành hàng điện thoại di động đóng góp lớn nhất vào doanh thu với 2.123 tỷ đồng, tăng 85% so với cùng kỳ. Riêng mảng máy tính xách tay và máy tính bảng đạt 1.307 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ.

Mảng kinh doanh là thiết bị văn phòng với doanh thu 657 tỷ đồng, tăng trưởng 120%. Năm nay mảng kinh doanh này đã phục hồi khá mạnh mẽ, các sản phẩm IoT hiện đang chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu ngành này, điển hình là các thương hiệu như Xiaomi, Huawei và Apple.

6 tháng đầu năm 2021 DGW đạt doanh thu thuần 9.173 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 208 tỷ đồng, tăng lần lượt 87% và 123% so với cùng kỳ. Với kết quả này, DGW đã cán mốc 60% doanh thu và 69% kế hoạch lợi nhuận năm.

DGW mới đây đã có kế hoạch phát hành 44,2 triệu cổ phiếu, tỷ lệ phân bổ 1:1 cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vốn điều lệ Digiworld dự kiến gấp đôi lên 884 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý 3/2021. Kết thúc phiên giao dịch 7/7, thị giá DGW đạt 134.500 đồng/cp, tăng 57% so với đầu năm.



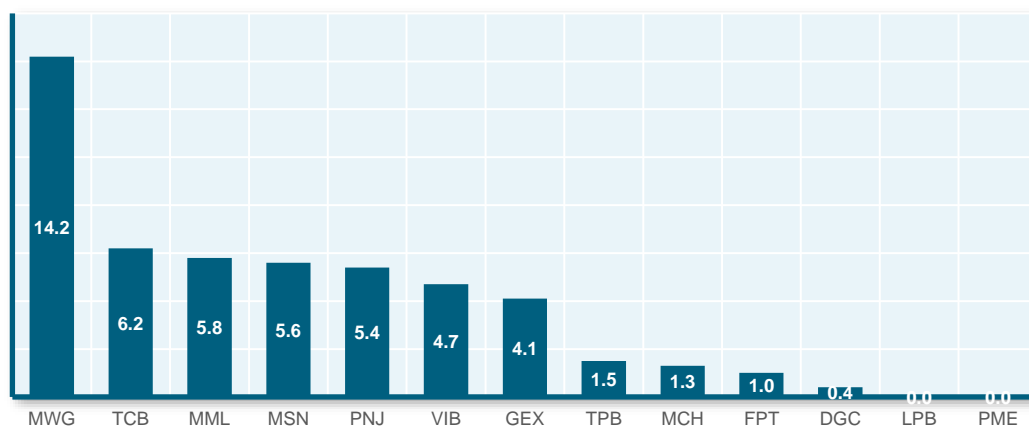


## Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
BID	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	48,524
	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	
MBB	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



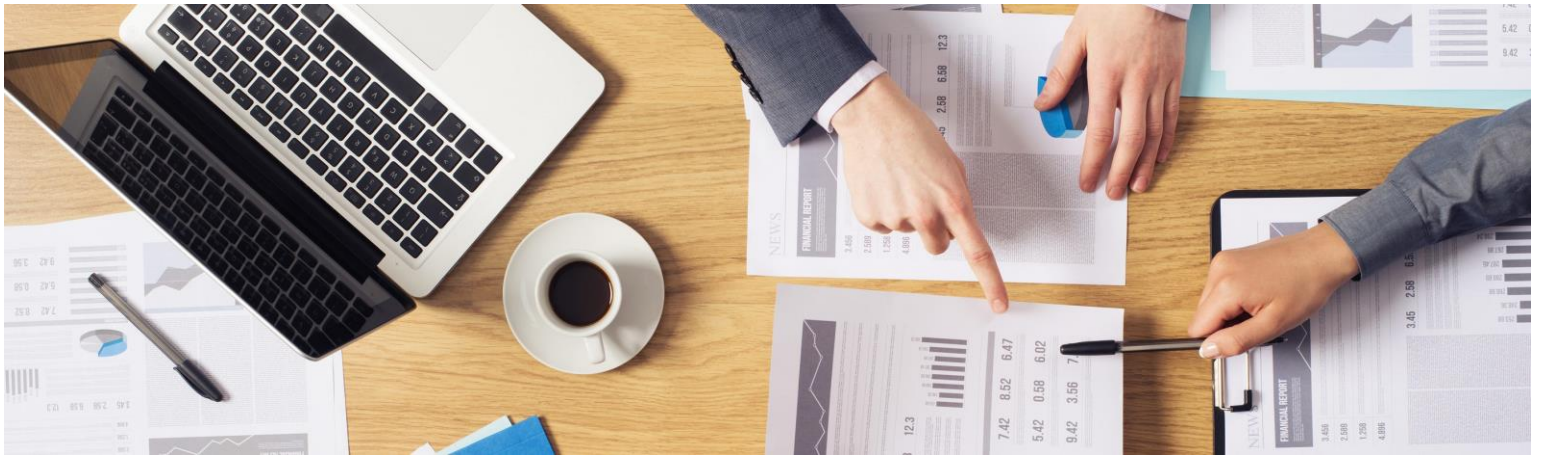
## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	22.5	2,408,492	10.1	1.4	-	-	12,855	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.2	7,351,900	8.2	2.1	61,000	61,000	97,811	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	25.5	81,900	27.2	2.1	1,000	-	18,067	-	939	12,064
BID	HNX	45.8	2,127,400	21.8	2.2	177,800	67,700	184,208	16.66	2,103	20,453
CTG	HOSE	38.6	14,109,100	8.1	1.6	722,400	3,232,400	143,723	24.86	4,761	24,665
EIB	HOSE	29.4	379,500	41.2	2.1	400	110,900	36,084	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	36.0	3,761,000	8.9	2.2	1,219,400	137,800	57,296	18.25	4,066	16,572
LPB	UPCOM	29.9	8,467,100	13.4	2.1	2,400	326,300	32,132	3.27	2,239	14,059
MBB	HOSE	42.1	20,529,400	10.8	2.2	3,010,800	402,600	117,828	22.12	3,912	19,196
MSB	HOSE	30.1	8,075,400	12.4	2.0	500,000	500,000	34,826	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	19.7	3,220,381		1.9	-	300	8,014	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	30.2	2,507,300	9.0	1.8	13,300	239,000	33,096	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	28.1	22,746,934	14.0	1.9	38,800	10,009	54,108	4.03	2,013	14,631
SSB	HOSE	41.5	2,656,800	31.2	3.5	-	-	50,163	-	1,331	11,769
STB	HOSE	30.2	32,240,500	20.2	1.8	2,066,100	554,200	54,470	13.03	1,495	16,485
TCB	HOSE	56.6	27,362,400	13.9	2.5	512,800	512,800	198,378	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	37.8	5,774,600	8.7	2.2	-	500	40,456	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	111.0	1,384,100	19.4	4.1	366,100	639,100	411,685	23.64	5,708	27,234
VIB	HOSE	51.4	3,395,700	9.7	3.0	1,000	2,000	79,832	20.86	5,297	17,420
VPB	HOSE	69.3	19,600,100	15.0	3.0	-	745,700	170,114	15.00	4,628	22,811
			<b>188,180,007</b>	<b>15.95</b>	<b>2.28</b>	<b>8,693,300</b>	<b>7,542,309</b>	<b>1,835,144</b>		<b>3,004</b>	<b>17,388</b>



### Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	54,400	15,503,864	35,627,355	2,552.8	21.3	3.07	17,724
VCI	UPCOM	54,300	2,940,257	18,081,900	2,829.4	19.2	1.83	29,655
HCM	HNX	50,600	6,556,189	15,435,117	2,674.9	18.9	3.24	15,612
VND	UPCOM	43,600	6,464,688	9,352,840	5,308.7	8.2	2.08	20,939
SHS	UPCOM	44,000	9,827,898	9,119,801	4,994.5	8.8	2.45	17,951
MBS	UPCOM	33,900	2,838,140	9,071,873	1,279.0	26.5	2.58	13,147
FTS	HOSE	38,000	779,561	5,607,515	2,841.6	13.4	2.14	17,751
VIX	HNX	25,600	5,039,421	3,269,606	5,259.2	4.9	1.58	16,190
AGR	HOSE	14,500	2,992,768	3,062,399	572.1	25.3	1.48	9,775
BSI	UPCOM	23,400	2,096,111	2,844,754	2,051.4	11.4	1.84	12,711
ORS	HNX	24,600	1,099,827	2,460,000	1,516.4	16.2	2.33	10,574
VDS	HOSE	26,200	1,153,914	2,622,618	3,383.2	7.7	2.03	12,884
CTS	HOSE	23,000	1,959,400	2,447,191	2,444.1	9.4	1.66	13,885
TVS	HOSE	25,800	129,777	2,534,467	4,714.3	5.5	1.74	14,852
BVS	UPCOM	30,400	1,256,306	2,194,884	3,033.8	10.0	1.13	26,909
EVS	HOSE	33,000	449,787	1,980,013	2,382.6	13.9	2.33	14,167
SBS	HOSE	14,400	3,350,047	1,823,904	25.2	572.4	8.76	1,643
PHS	HOSE	14,100	1,245	1,269,000	828.3	17.0	1.25	11,291
TVB	HOSE	14,200	801,985	1,010,243	1,973.7	7.2	1.22	11,645
ART	HNX	9,000	6,079,053	872,303	269.8	33.4	0.79	11,459
TCI	UPCOM	15,500	306,316	767,250	2,331.0	6.6	1.27	12,235
IVS	UPCOM	10,000	130,061	693,500	352.2	28.4	1.01	9,862
BMS	UPCOM	12,900	104,058	645,000	1,808.9	7.1	0.99	12,977
APS	HOSE	14,400	2,101,366	561,600	2,395.8	6.0	1.29	11,126
PSI	UPCOM	10,000	191,584	598,413	182.9	54.7	0.95	10,519

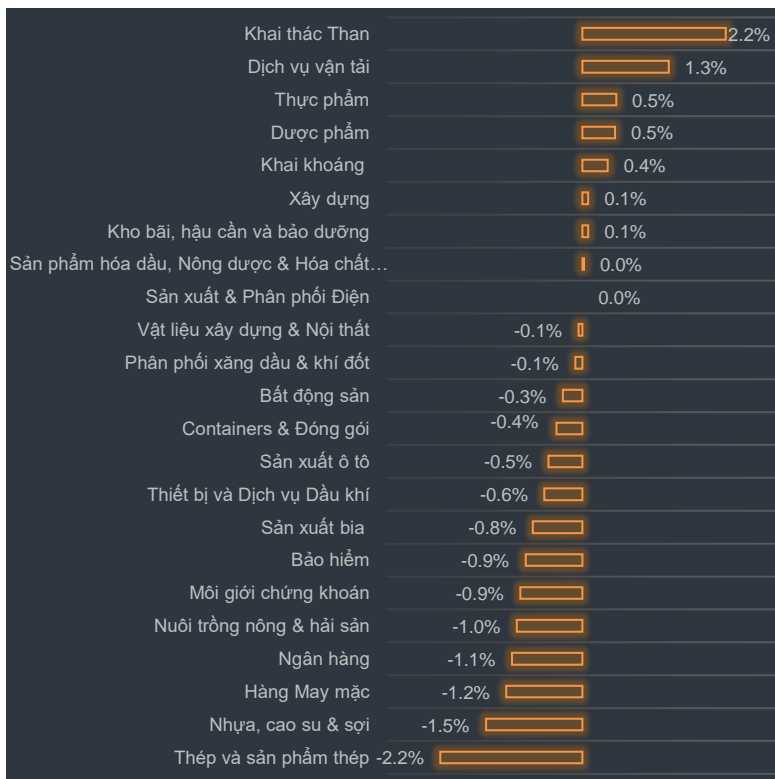


### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BCE	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	26/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PPC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NBC	HNX	14/07/2021	15/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	IJC	HOSE	14/07/2021	15/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	THG	HOSE	14/07/2021	15/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	THG	HOSE	14/07/2021	15/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	STK	HOSE	13/07/2021	14/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PMP	HNX	13/07/2021	14/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,030 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	X20	HNX	12/7/2021	13/07/2021	26/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HVT	HNX	9/7/2021	12/7/2021	28/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DC4	HOSE	9/7/2021	12/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	HLC	HNX	9/7/2021	12/7/2021	22/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	VDS	HOSE	8/7/2021	9/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	TIG	HNX	8/7/2021	9/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	MCF	HNX	8/7/2021	9/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	CPC	HNX	8/7/2021	9/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SKN	UPCoM	8/7/2021	9/7/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FBC	UPCoM	8/7/2021	9/7/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	AAV	HNX	8/7/2021	9/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TAW	UPCoM	7/7/2021	8/7/2021	16/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DCM	HOSE	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	MTH	UPCoM	7/7/2021	8/7/2021	23/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	CTG	HOSE	7/7/2021	8/7/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:29.0695	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	CAN	HNX	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	VW3	UPCoM	6/7/2021	7/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	KSB	HOSE	6/7/2021	7/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



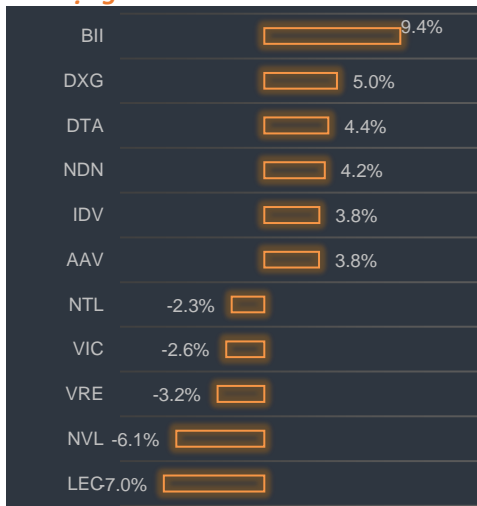
# Tăng giảm ngành trong ngày



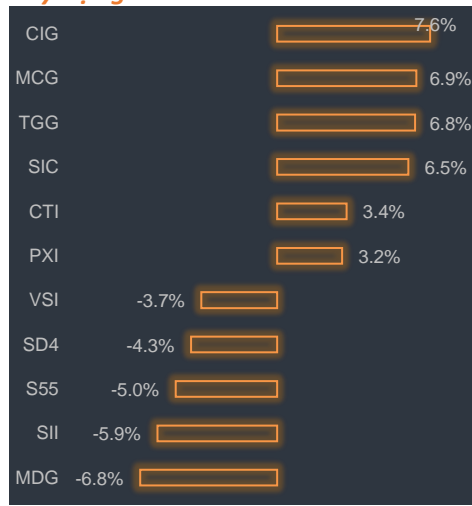
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	BII, DXG, DTA
<b>Xây dựng:</b>	CIG, MCG, TGG
<b>Dầu khí:</b>	PGD, GAS, PVG
<b>Chứng khoán:</b>	MBS, VIG, APG
<b>Ngân hàng:</b>	VIB, TPB, BID

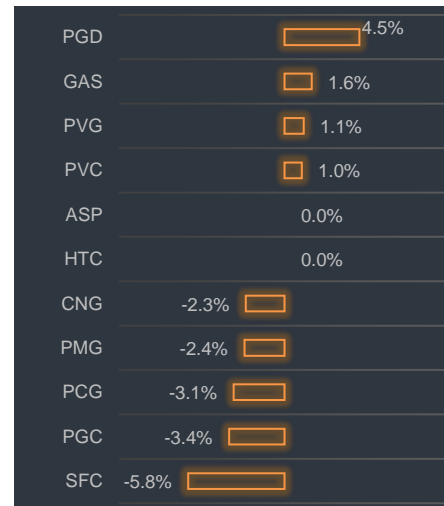
### Bất động sản



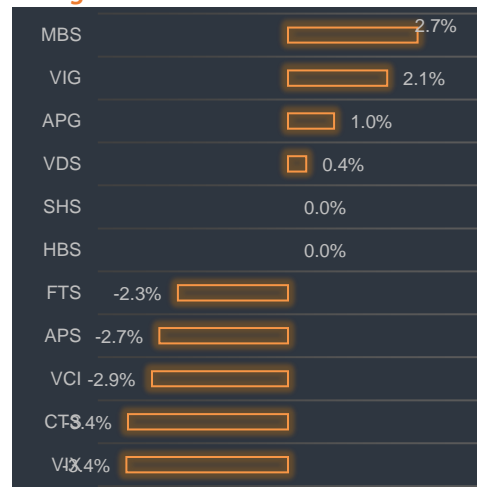
### Xây dựng



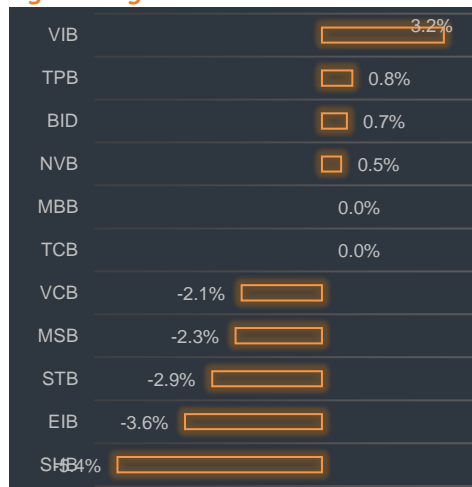
### Dầu khí



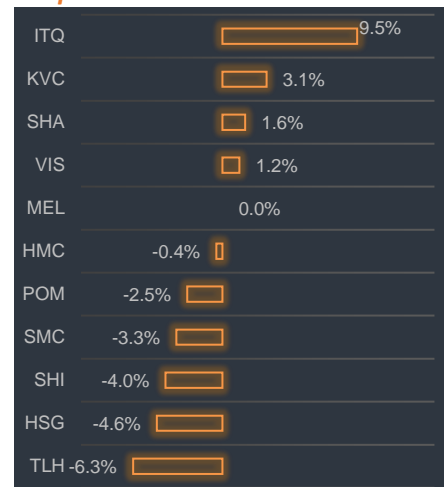
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931